

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án: Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 06/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái

định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 684/BC-SKHĐT ngày 21/10/2022, đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 255/SXD-HTKTTĐ ngày 07/10/2022 và đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 104/TTr-BGPMB ngày 17/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Phê duyệt dự án đầu tư

a. Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh.

b. Mục tiêu đầu tư

- Việc đầu tư xây dựng nhằm cụ thể hóa đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 06/02/2022.

- Tạo quỹ đất phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới; Kết hợp phát triển quỹ đất của tỉnh, kết nối đồng bộ về quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với khu vực xung quanh.

c. Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 42.452,1m²; bao gồm các hạng mục: San nền mặt bằng; đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp nước và PCCC; và hệ thống cấp điện;

- San nền mặt bằng:

+ Diện tích đất san nền 4,25ha; độ dốc từ 0,1% đến < 4%; hướng dốc san nền về Tây Nam; cao độ điểm cao nhất +3,7m; cao độ điểm thấp nhất +3,4m; khối lượng san nền chia lưới ô vuông cạnh dài 10m; mái taluy san nền m = 1,5.

. Phía Tây Bắc cao độ san nền theo cao độ của dự án Khu dân cư núi Mồ Côi từ 3,3m đến 3,5m.

.Phía Đông Nam cao độ san nền theo cao độ của dự án Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông cao độ 3,35m.

.Cao độ san nền các lô thấp hơn cao độ vỉa hè 20cm.

.Đắp nền trong khu vực khu phân lô và công trình công cộng với hệ số đầm nén K = 0,90.

. Đắp nền trong phạm vi đường giao thông với hệ số đầm nén K = 0,95.

.Nguồn vật liệu san nền: Đất đắp dự kiến khai thác tại mỏ đất QN03 phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

- Hệ thống đường giao thông:

+ Xây dựng toàn bộ hệ thống đường giao thông có bề rộng nền mặt đường theo quy hoạch được duyệt, kết nối với giao thông hiện trạng (*Khu dân cư núi Mồ Côi ở phía Bắc và Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông ở phía Đông Nam*) với quy mô như sau:

+ Vận tốc thiết kế: 30Km/h, tải trọng trục chính $P = 10$ tấn; độ dốc ngang mặt đường: $i_{\text{mặt}} = 2\%$; độ dốc ngang lề đường: $i_{\text{hè}} = 1\%$.

+ Giao thông đối ngoại: Tuyến đường ĐS1 lộ giới 30m ($6,5m - 7,5m - 2m - 7,5m - 6,5m$) đầu nối với Khu dân cư núi Mồ Côi ở phía Tây Bắc và Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông ở phía Đông Nam.

+ Giao thông nội bộ gồm 04 tuyến:

.Tuyến đường ĐS2 và ĐS4 lộ giới 14m ($3,5m - 7m - 3,5m$).

.Tuyến đường ĐS3 và ĐS5 lộ giới 16m ($4m - 8m - 4m$).

*Kết cấu mặt đường: Toàn bộ mặt đường sử dụng bằng kết cấu áo đường mềm như sau:

+ Kết cấu mặt đường ĐS1:

.BTN C12.5 dày 5cm;

.Tưới nhựa dính bám TC $0,5\text{kg}/\text{m}^2$;

.BTN C19 dày 7cm;

.Tưới nhựa thấm bám TC $1,0\text{kg}/\text{m}^2$;

.Cấp phối đá dăm Dmax 25 dày 14cm;

.Cấp phối đá dăm Dmax 37.5 dày 26cm;

.Cấp phối đồi K98 dày 30cm.

+ Kết cấu các mặt đường còn lại:

. BTN C12.5 dày 7cm;

.Tưới nhựa thấm bám TC $1,0\text{kg}/\text{m}^2$;

.Cấp phối đá dăm Dmax 25 dày 20cm;

.Cấp phối đồi K98 dày 30cm.

+ Kết cấu bó vỉa, vỉa hè:

.Bó vỉa hè bằng bê tông xi măng B20 đá (1x2), lót đáy bằng bạt nhựa.

.Vỉa hè lát gạch Block dày 5cm, kích thước: (30x30x5)cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.

. Chấn vỉa hè bằng bê tông B15 đá (1x2), kích thước (15x30)cm.

+ An toàn giao thông: Lắp đặt hệ thống biển báo và vạch sơn đường được bố trí đầy đủ theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

+ Xây dựng 134 hố trồng cây bằng ống buy bê tông D100.

+ Gia cố mái ta luy tổng chiều dài $L = 284,02\text{m}$ dọc biên phía Nam dự án tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng bằng bê tông B15 đá (1x2), dày 15cm.

- Hệ thống thoát nước mưa: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa cho khu vực là hệ thống thoát nước riêng; thoát nước mưa khu dự án chia làm 2 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Lưu vực từ đường ĐS3 về biên phía Bắc khu dự án, nước được thu gom theo các tuyến cống D600 - D800 đầu nối với 2 cống D1000 trên tuyến đường 30m (ĐSI) sau đó theo tuyến cống D1200 thoát về cửa xả 1 phía Bắc khu dự án.

+ Lưu vực 2: Lưu vực từ đường ĐS3 về biên phía Nam khu dự án, nước được thu gom theo các tuyến cống D600 - D800 sau đó thoát về hành lang thoát lũ nước nội bộ ở phía Nam của khu vực cửa xả 2.

+ Hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc trên vỉa hè các tuyến đường bằng cống bê tông cốt thép từ D600 đến D1500; các tuyến cống qua đường dùng cống chịu tải trọng H30, cống vỉa hè dùng cống chịu tải trọng H10.

+ Hồ ga bằng bê tông cốt thép B15 đá (1x2), tấm đan bằng gang: 51 hố.

+ Hồ thu nước mặt bằng bê tông cốt thép B15 đá (1x2), phía trên lắp đặt lưới chắn rác bằng gang: 50 hố.

+ Xây dựng rãnh thoát nước dưới chân mái ta luy gia cố giáp ranh Khu dân cư hiện trạng B = 0,6m; L = 248,6m bằng bê tông cốt thép B15 đá (1x2), thu nước từ các khu dân cư hiện trạng đầu nối với hệ thống thoát nước trong khu dự án và chảy về cửa xả số 2.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống nước thải thiết kế đi riêng với nước mưa, hướng thu nước thải từ Tây sang Đông, từ Đông sang Tây và từ Bắc vào Nam, sau đó dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý; nước thải theo hình thức tự chảy bằng ống HDPE D200mm, trên tuyến bố trí 59 giếng thu, 67 hố đầu nối. Hố đầu nối có bố trí ống nhựa uPVC-D100mm chờ đầu nối với các hộ dân.

+ Giếng thu bằng bê tông xi măng B20 đá (1x2) kích thước bên trong (100x100)cm, dày 20cm; nắp giếng thu bằng tấm đan bê tông cốt thép B20 đá (1x2).

+ Hố đầu nối bằng bê tông cốt thép B20 đá (1x2), kích thước (30x40)cm, nắp bằng tấm đan bê tông cốt thép B20 đá (1x2).

+ Bể tự hoại: Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn bằng bê tông cốt thép; kích thước (6,25x6,25)m; móng, tường bằng bê tông cốt thép đá (1x2) B20 dày 30cm; bê tông lót đá (4x6) B12,5 dày 10cm; sàn bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2) B20 dày 15cm, đặt trên hệ khung dầm bằng bê tông cốt thép đá (1x2) B20; bên trong quét Sika chống thấm.

- Hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy:

+ Nguồn nước cấp được đầu nối từ 03 điểm của đường ống cấp nước sạch D110 hiện có của 02 dự án lân cận (thỏa thuận tại Văn bản số 399/CTN-KT ngày 09/12/2021 của Công ty CP cấp thoát nước Bình Định).

+ Cấp nước sinh hoạt và chữa cháy bằng ống HDPE D110mm, ống HDPE D63mm, bố trí dọc theo các tuyến đường.

+ Bố trí 04 trụ cứu hỏa D110mm và đảm bảo khoảng cách giữa 2 trụ là 150m.

- Hệ thống cấp điện và chiếu sáng:

+ Phần di dời:

.Di dời đường dây 0,4kV khoảng cột từ C201/7/6 đến C201/7/8 thuộc TBA suối Trầu 4 với chiều dài L = 99m.

.Di dời đường dây 0,4kV khoảng cột từ C201/7/7 đến C201/7/7/1 thuộc TBA suối Trầu 4 với chiều dài L = 42m.

+ Phần xây dựng mới:

.Xây dựng mới 02 trạm biến áp TBA 400kVA-22/0,4kV đặt trên trụ thép búp sen, ngoài trời. Đường dây 22kV đi ngầm, tổng chiều dài tuyến Lt = 483m. Đường dây 0,4kV đi ngầm, tổng chiều dài tuyến Lt = 1.469m.

.Phần đường dây chiếu sáng: Đường dây chiếu sáng đi ngầm, tổng chiều dài tuyến Lt = 838m. Trụ đèn chiếu sáng đường cao 6m, cần đơn 2m, bóng led 90W: 23 trụ. Trụ đèn chiếu sáng đường cao 6m, cần đôi 2m, bóng led 90W: 5 trụ.

d. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.

- Diện tích đất sử dụng: 4,25 ha.

đ. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật; nhóm B; cấp II.

e. Tổng mức đầu tư dự án: 103.621.102.000 đồng (Một trăm lẻ ba tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, một trăm lẻ hai nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí GPMB	:	30.000.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	48.947.368.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	1.506.221.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	1.024.667.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	2.633.136.000	đồng;
- Chi phí chi khác	:	991.780.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	18.517.930.000	đồng.

g. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.

h. Nguồn vốn đầu tư: Thực hiện theo Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

i. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Theo quy định hiện hành.

k. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chịu trách nhiệm lập phương án và triển khai công tác bồi thường, GPMB theo đúng quy định.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tụ Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tụ Công Hoàng